

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày 01 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Điều Thanh

Ông Lê Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Điều T, sinh năm 1995, tại Bình Phước; hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã Bình Th, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: S' Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Ph, sinh năm 1955 và bà Điều Thị Đ, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 08/01/2019, bị Chủ tịch UBND xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đến ngày 08/4/2019, bị cáo chấp hành xong quyết định này; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến nay; “có mặt”.

2. Điều L, sinh năm 1999, tại Bình Phước; hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã Bình Th, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: S' Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều L, sinh năm 1974 và bà Điều Thị W, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 08/01/2019, bị Chủ tịch UBND xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đến ngày 08/4/2019, bị cáo chấp hành xong quyết định này; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến nay; “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Ngọc Tr, sinh năm 1970 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đa K, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người chứng kiến:

Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1990 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn 2A, xã Bình Th, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Anh Nguyễn Trường A, sinh năm 1996 “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn 5, xã Bình Th, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 12/11/2019, Điều T rủ Điều L đi đến xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp để mua ma túy về sử dụng thì L đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển số 93H1-234.91 chở L đi đến một quán cà phê ở xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp rồi Tiều dừng xe đứng ở ngoài đường còn L đi vào trong quán hỏi mua ma túy của một người đàn ông (không rõ nhân thân, L lịch) với số tiền 300.000 đồng thì người này đồng ý bán và đưa cho L 01 đoạn ống nhựa rỗng được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa chất bột màu trắng. Sau khi mua xong, L cầm ma túy đi ra ngoài rồi được T chở về xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập. Khi T và L đi đến khu vực thôn 4, xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập thì Công an huyện Bù Gia Mập kết hợp cùng Công an xã Bình Thắng yêu cầu tiến hành dừng xe để kiểm tra, thấy lực lượng công an thì L vứt 01 đoạn ống nhựa rỗng được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa chất bột màu trắng xuống đường nhưng bị phát hiện. Công an huyện Bù Gia Mập đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Điều T và Điều L.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 đoạn ống nhựa rỗng được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa chất bột màu trắng (nghĩ là ma túy); 01 xe mô tô biển số 93H1-234.91; 01 điện thoại di động hiệu Mobell M215 và số tiền 217.000 đồng.

Theo bản kết luận giám định số 238/2019/GĐ-MT ngày 15/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng trong 01 đoạn ống hút nhựa (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,3107 gam. Mẫu vật hoàn lại sau giám định: 0,1953 gam.

Bản Cáo trạng số 09/CTr-VKS ngày 05/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Điều T và Điều L về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Điều T, Điều L như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng chung điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Điều T từ 24 tháng đến 30 tháng tù, xử phạt bị cáo Điều L từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với 0,1953 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định; trả lại cho Điều L 01 điện thoại di động hiệu Mobell M125 và số tiền 217.000 đồng; trả lại ông Trần Ngọc Tr xe mô tô biển số 93 H1-234.91.

Trong quá Tr điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Điều T, Điều L cùng khai nhận đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy theo đúng nội dung Cáo trạng đã truy tố. Nay các bị cáo đã nhận biết hành vi của các bị cáo là trái pháp luật, xin Hội đồng xét xử xử các bị cáo một mức án thấp để các bị cáo có cơ hội sửa sai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc Tr bày: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo thì ông Tr không biết. Đối với xe mô tô biển số 93 H1-234.91 mà các bị cáo đã sử dụng trong lúc tàng trữ chất ma túy là của ông Tr, ông cho các bị cáo mượn mà không biết các bị cáo đã sử dụng xe vào việc phạm tội. Do đó nay ông Tr có yêu cầu được nhận lại xe để sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá Tr điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, Tr tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá Tr điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Xét thấy các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; kết luận giám định; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người chứng kiến phù hợp về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có ma túy để sử dụng nên ngày 12/11/2019, Điều T và Điều L đã mua 0,3107 gam

Methamphetamine của đối tượng không rõ nhân thân, L lịch ở xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp rồi cất giấu trên người của Điều L đem về xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Khi Điều T và Điều L đem số ma túy trên về đến khu vực thôn 4, xã Bình Thắng thì bị Công an huyện Bù Gia Mập và Công an xã Bình Thắng phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

[3] Đối chiếu với hành vi nêu trên của các bị cáo so với những quy định của pháp luật thì hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bởi chất Methamphetamine là loại chất nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, nhưng các bị cáo lén lút mua về tàng trữ để sử dụng. Hành vi của các bị cáo tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn có ma túy để sử dụng nên các bị cáo đã cố ý thực hiện việc phạm tội. Do đó cần áp dụng đối với các bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Điều T là người khởi xướng rủ bị cáo Điều L thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần áp dụng cho bị cáo T mức hình phạt cao hơn so với mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo L.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Điều T, Điều L đều là người có nhân thân không tốt, trước đó vào ngày 08/01/2019, các bị cáo đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tuy các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng các bị cáo đã không lấy đó làm bài học cho bản thân.

Tuy nhiên cần xem xét trong quá Tr điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Điều T, Điều L đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ

sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo làm thuê thu nhập không ổn định. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Điều T từ 24 tháng đến 30 tháng tù, xử phạt bị cáo Điều L từ 18 tháng đến 24 tháng tù là đúng quy định pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý vật chứng và không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với đối tượng bán ma túy cho các bị cáo, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập chưa xác minh, làm rõ được do đó cần tách ra để cơ quan công an tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 0,1953 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định (đã được niêm phong) đây là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Mobell M125 và số tiền 217.000 đồng (đã được niêm phong) thu giữ của Điều L không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho Điều L.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 93 H1-234.91 do Điều T điều khiển chở Điều L đi mua ma túy. Quá Tr điều tra đã xác định được chiếc xe này là của ông Trần Ngọc Tr ở thôn 6, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập. Ngày 12/11/2019, ông Tr cho Điều T mượn chiếc xe này làm phương tiện đi lại, khi T sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội thì ông Tr không biết, do vậy cần trả lại xe mô tô này cho ông Tr.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 106, Điều 260, Điều 329, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Điều T, bị cáo Điều L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Xử phạt bị cáo Điều T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 12/11/2019.

Xử phạt bị cáo Điều L 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 12/11/2019.

3. Quyết định tạm giam các bị cáo Điều T, Điều L để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 0,1953 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định.

- Trả lại cho bị cáo Điều L 01 điện thoại di động hiệu Mobell M125 và số tiền 217.000 đồng (đã được niêm phong).

- Trả lại ông Trần Ngọc Tr xe mô tô biển số 93 H1-234.91.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0008635 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập)

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Điều T và Điều L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

6. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an, VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Ly

